

Bản án số: **03/2024/DS-ST**

Ngày: **26/01/2024**

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Đăng Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Tha  
Bà Lê Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:**

Ông Ngô Bảo Nhật Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2023/TLST-DS ngày 16/10/2023, thụ lý bổ sung số: 282/2023/TLST-DS ngày 03/11/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST-DS ngày 25/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-DS ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: thôn Phú Sơn, xã Ninh Trung, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị G**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: thôn Phú Sơn, xã Ninh Trung, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Bà là người độc thân, ngày 30/3/2020 bà có cho bà Lê Thị G mượn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để làm ăn, không có lãi suất, có lập giấy tờ mượn tiền bà G ký xác nhận, việc mượn tiền chỉ có 02 bên biết và giao nhận tiền, bà G hẹn trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) trả đến ngày 20/10/2021 hết nợ. Bà G không trả nợ đúng hạn đến cuối tháng 9/2022 có trả cho bà một lần 2.000.000đ (hai triệu đồng), từ đó đến nay không tiếp tục trả khoản tiền nợ mặc dù bà nhiều lần liên lạc yêu cầu bà G thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà có yêu cầu bà G trả tiền nợ gốc 18.000.000đ và tiền lãi chậm trả mới mức lãi suất 1,66%/tháng. Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu tính lãi, cụ thể yêu cầu bà G trả ngay một lần số tiền nợ gốc 18.000.000đ, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày 26/01/2024 là 27 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: 18.000.000đ x 0,83%/tháng x 27

tháng = 4.033.800đ, tổng cộng tiền gốc và lãi là 22.033.800đ (hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng).

*\* Bị đơn bà Lê Thị G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.*

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là Lê Thị G phải trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền nợ gốc 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), tiền lãi chậm trả từ ngày 21/10/2021 đến ngày 21/01/2024 số tiền 4.033.800đ (bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng), tổng cộng: 22.033.800đ (hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại số tiền nợ đã vay mượn, căn cứ khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; bị đơn có địa chỉ tại thôn Phú Sơn, xã Ninh Trung, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 30/3/2020 bà Huỳnh Thị H có cho bà Lê Thị G mượn số tiền 20.000.000 đồng để làm ăn, không có lãi suất, hai bên có viết giấy mượn tiền và bà G ký xác nhận, việc mượn tiền và giao nhận tiền chỉ có hai người biết, không có ai chứng kiến. Bà G hẹn trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, trả đến ngày 20/10/2021 là hết nợ nhưng không trả, đến cuối tháng 9/2022 bà G chỉ trả được số tiền 2.000.000đ. Từ đó đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà G trả lại số tiền nợ 18.000.000đ còn lại nhưng bà G cố tình trốn tránh không chịu trả. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chứng tỏ bà G không có thiện chí trả nợ và đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[3.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Huỳnh Thị H với bà Lê Thị G về

hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản thể hiện các bên lập thành văn bản có xác nhận của người vay tiền, thể hiện số tiền vay, thời hạn trả nợ cụ thể, chủ thể tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và tự nguyện giao kết, nội dung hợp đồng vay tài sản hoàn toàn là phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch vay tài sản.

[3.2.1]. Về số tiền nợ gốc: Theo giấy nợ giữa hai bên lập ngày 30/3/2020 không có tựa đề có nội dung bà Lê Thị G mượn của bà Huỳnh Thị H số tiền 20.000.000đ, bà G có chữ ký xác nhận. Quá trình trả nợ bà H thừa nhận vào cuối tháng 9/2022 bà G đã trả 2.000.000đ tiền gốc và cho đến nay không trả nữa. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Lê Thị G còn nợ bà Huỳnh Thị H số tiền nợ gốc 18.000.000đ.

[3.2.2]. Về số tiền lãi chậm trả: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà G trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn trả số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày 21/01/2024 là 27 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể tiền lãi:  $18.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 27 \text{ tháng} = 4.033.800đ$ , Hội đồng xét xử xét thấy rằng: giấy nợ tiền lập ngày 30/3/2020 thể hiện thời điểm trả hết nợ gốc vào ngày 20/10/2021 nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, việc bị đơn bà G không trả nợ đúng hạn là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà H từ ngày 21/10/2021 đến ngày 21/01/2024 là 27 tháng. Căn cứ khoản 4, Điều 466; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất chậm trả là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của nguyên đơn.

[3.2]. Về nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H trình bày việc mượn tiền và giao nhận tiền chỉ có hai người biết nên chỉ yêu cầu bị đơn bà G trả số tiền nợ gốc 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), tiền lãi chậm trả từ ngày 21/10/2021 đến ngày 21/01/2024 số tiền 4.033.800đ (bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng), tổng cộng: 22.033.800đ (hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $22.033.800đ \times 5\% = 1.101.690đ$  (một triệu một trăm lẻ một nghìn sáu trăm chín mươi đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0001601 và 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/00011481

của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã N.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 244; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Buộc bị đơn bà Lê Thị G phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H số tiền nợ gốc 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), tiền lãi chậm trả từ ngày 21/10/2021 đến ngày 21/01/2024 số tiền 4.033.800đ (bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng), tổng cộng: 22.033.800đ (hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2. Về án phí:** Bị đơn bà Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.033.800đ x 5% = 1.101.690đ (một triệu một trăm lẻ một nghìn sáu trăm chín mươi đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001601 và 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/00011481 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã N.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Đăng Thanh**